

DANH SÁCH XẾP HẠNG

STT	ên đăng nhậ	Họ tên	Lớp	Đúng	Thời gian	Thứ hạng
1	tca1-1968	Nguyễn Đăng Kiên	3A3	30	614	15
2	tca1-1915	Đỗ Hoàng Nam	3A2	29	343	30
3	tca1-1966	Đình Thế Vinh	3A3	29	371	34
4	tca1-2518	Nguyễn Hữu Minh Hòa	3A4	28	386	87
5	tca1-1916	Nguyễn Hải Minh	3A2	28	410	95
6	tca1-1923	Phạm Chí Kiên	3A2	28	475	112
7	tca1-2427	Nguyễn Phạm Linh Nhi	3A3	28	559	126
8	tca1-1913	Vũ Thiện Minh	3A2	28	586	131
9	tca1-2368	Nguyễn Minh Phong	3A6	28	674	138
10	tca-2399	Bùi Đức Nguyên Khang	3A6	28	716	140
11	tca1-1857	Nguyễn Phương Bảo Hân	3A5	28	984	152
12	lehuyenanh38	Nguyễn Lê Huyền Anh	3A2	27	405	186
13	tca1-2415	Bui Sơn Vinh	3A1	27	517	207
14	tca1-2367	Đậu Quỳnh An	3A1	27	679	225
15	tca1-1970	Phạm Tuấn Minh	3A3	26	421	269
16	tca1-1848	Bùi đăng khôi	3A2	25	573	389
17	tca1-1901	Đào Mạc Hồng Nhật	3A4	25	819	412
18	tca1-1880	Nguyễn Huy Nhật Minh	3A5	24	1114	489
19	tca1-2396	Hoàng Trọng Khôi	3A6	23	388	498
20	tca1-1891	Vũ Minh Khang	3A1	23	554	522
21	tca1-1885	Hoàng Khang Nguyên	3A1	23	593	524
22	tca1-1904	Nguyễn Ngọc Minh Anh	3A6	23	792	542
23	tca1-2001	Phạm Gia Huy	3A2	22	520	580
24	tca1-1918	Nguyễn Minh Tuấn	3A2	22	534	585
25	tca1-1944	Vũ Minh Phương	3A2	22	743	605
26	tca1-1997	Đoàn Thanh Thanh	3A4	22	756	606
27	tca1-1870	Nguyễn Đoàn Quang Phúc	3A5	22	1171	614